TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2026/DS-ST
Ngày 07 - 5 - 2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - CÀ MAU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Kiều Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Khưu Liên Dung

2- Ông Lê Tuấn Kiệt

Thư ký phiên tòa: Bà Liêu Thị Hương Linh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Cà Mau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Trần Mỹ Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 487/2025/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2025 về "*tranh chấp hợp đồng tín dụng*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2026/QĐXX-ST ngày 26 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

+ **Công ty Cổ phần M**

Trụ sở: Tầng A, Tòa nhà C, số B, T, Phường Y, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Hoàng Anh T**. Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Vương Lê Vĩnh N**. Chức vụ: Trưởng Bộ phận xử lý nợ Miền Tây – Công ty cổ phần M và ông **Trần Văn T1**. Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ Miền T2 – Công ty cổ phần M (Văn bản ủy quyền số 14311/2025/UQ-XLN-JUPITERMN ngày 04/11/2025).(vắng mặt)

+ **Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.**

Trụ sở: Số H, L, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Ngô Chí D**. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Vương Lê Vĩnh N**. Chức vụ: Trưởng

Bộ phận xử lý nợ và ông **Trần Văn T1**. Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ (Văn bản ủy quyền số 131/2025/UQN-PLKHCN6 ngày 30/12/2025). (vắng mặt)

- Bị đơn: Ông **Lê Thanh T3**, sinh năm 1999. Số căn cước: 089099000170. Địa chỉ: Số A, Khóm B, phường B, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định:*

Ngày 19/10/2022 ông Lê Thanh T3 có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng cho vay số LN2210187132946 để vay số tiền 800.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 12%/năm, mục đích vay: Hoàn vốn tiền mua xe ô tô FORD EXPLORER sản xuất năm 2018 đã qua sử dụng mang biển số 94A-045.00. Ngoài ra, ông T3 còn ký kết Hợp đồng cho vay số LN2312271380312 ngày 29/12/2023 để vay số tiền 317.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất cho vay tại thời điểm vay là 12%/năm, mục đích vay mua đồ gia dụng.

Để đảm bảo khoản vay, ông T3 ký kết Hợp đồng thế chấp số LN2210187132946 ngày 19/10/2022. Nội dung, ông T3 thế chấp chiếc xe ô tô con theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 94003783 do Phòng C Công an tỉnh B cấp ngày 23/8/2022. Đặc điểm kỹ thuật: Nhãn hiệu FORD EXPLORER, loại xe: Ô tô con; màu trắng; số chỗ ngồi: 7 chỗ; số máy: JGC88902H; số khung: 1FM5K8FH8JGC88902 do Lê Thanh T3 đứng tên sở hữu.

Ngày 26/09/2025 giữa Ngân hàng với Công ty Cổ Phần M ký kết Hợp đồng mua bán nợ số 39/2025/VPB-JUPITER và Phụ lục đính kèm Ngân hàng đồng ý bán và Công ty Cổ Phần M đồng ý mua (các) khoản nợ của khách hàng vay là ông Lê Thanh T3, bao gồm các khoản nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cho vay mà ông Lê Thanh T3 đã ký kết với Ngân hàng, cụ thể: Một phần (95%) khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng cho vay số LN2210187132946 ngày 19/10/2022; Một phần (95%) khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng cho vay số LN2312271380312 ngày 29/12/2023. Do đó, Công ty M kế thừa quyền, nghĩa vụ của Ngân hàng phát sinh từ các hợp đồng này và các biện pháp bảo đảm kèm theo. Trong đó, có quyền thực hiện khởi kiện khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ, bên bảo đảm tại Tòa án theo quy định pháp luật. Đồng thời, Ngân hàng tiếp tục là chủ nợ và bên nhận bảo đảm tương ứng với phần khoản nợ chưa bán cho J.

Trong quá trình thực hiện các hợp đồng nêu trên, ông T3 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn. Ngân hàng và Công ty Cổ Phần M đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu ông Lê Thanh T3 thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản vay nhưng ông Lê Thanh T3 không thực hiện.

Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông T3 phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 07/5/2026 là 1.045.824.741 đồng (trong đó nợ gốc:

770.549.335 đồng và tiền lãi trong hạn: 7.533.151 đồng, lãi quá hạn: 266.525.660 đồng, lãi chậm trả: 1.216.595 đồng) và trả lãi phát sinh tính từ ngày 08/5/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất cho vay tại hợp đồng. Trong đó:

- Buộc ông Lê Thanh T3 phải thanh toán cho Công ty Cổ phần M tổng số tiền tính đến ngày 07/5/2026 là: **993.533.504 đồng** (trong đó, N1 gốc: 732.021.868 đồng, lãi trong hạn: 7.156.494 đồng, lãi quá hạn: 253.199.377 đồng, lãi chậm trả: 1.155.765 đồng);

- Buộc ông Lê Thanh T3 phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 07/5/2026 là: **52.291.237** đồng trong đó, N1 gốc: 38.527.467 đồng, lãi trong hạn: 376.658 đồng, lãi quá hạn: 13.326.283 đồng; lãi chậm trả: 60.830 đồng).

Đối với khoản vay theo hợp đồng thẻ tín dụng số 401-P-0556881 Ngân hàng xin rút lại yêu cầu khởi kiện này.

**Bị đơn ông Lê Thanh T3*: Đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và các phiên tòa xét xử nhưng vắng mặt không lý do, không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

***** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Cà Mau phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án này là đúng thẩm quyền theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tuân thủ trình tự tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với yêu cầu thanh toán tiền vay theo hợp đồng thẻ tín dụng số 401-P-0556881; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với ông T3. Buộc ông T3 phải trả cho Ngân hàng và Công ty Cổ phần M tổng số tiền tính đến ngày 07/5/2026 là 1.045.824.741 đồng (trong đó nợ gốc: 770.549.335 đồng và tiền lãi trong hạn: 7.533.151 đồng, lãi quá hạn: 266.525.660 đồng, lãi chậm trả: 1.216.595 đồng) và trả lãi phát sinh tính từ ngày 08/5/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất cho vay tại hợp đồng. Trong đó: Buộc ông Lê Thanh T3 phải thanh toán cho Công ty Cổ phần M tổng số tiền tính đến ngày 07/5/2026 là: **993.533.504 đồng** (trong đó, N1 gốc: 732.021.868 đồng, lãi trong hạn: 7.156.494 đồng, lãi quá hạn: 253.199.377 đồng, lãi chậm trả: 1.155.765 đồng); Buộc ông Lê Thanh T3 phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 07/5/2026 là: **52.291.237** đồng trong đó, N1 gốc: 38.527.467 đồng, lãi trong hạn: 376.658 đồng, lãi quá hạn: 13.326.283 đồng; lãi chậm trả: 60.830 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 08/5/2026 cho đến khi thanh toán dứt nợ theo mức lãi suất hợp đồng cho Công ty Cổ phần M và Ngân hàng tương ứng với tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ. Trường hợp ông T3 thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng và Công ty Cổ Phần M thì Ngân hàng và Công ty Cổ Phần M có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số LN2210187132946 ngày 19/10/2022. Về án phí và chi phí tố tụng: Bị đơn phải chiu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Ngân hàng và Công ty Cổ Phần M khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ vay, bị đơn ông Lê Thanh T3, có địa chỉ tại Khóm B, phường B, tỉnh Cà Mau nên đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Cà Mau theo khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025. Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[3] Tòa án đã thông báo thụ lý, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập ông T3 để làm việc và tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng ông T3 không đến Tòa án làm việc cũng như gửi văn bản trình bày ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ xem xét các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và Tòa án thu thập để giải quyết vụ án.

[4] Ngày 13/3/2026 Ngân hàng có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông Lê Thanh T3 thanh toán tiền vay theo Hợp đồng thẻ số 401-P-0556881. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 5, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện này của Ngân hàng.

[5] Xét yêu cầu trả tiền nợ theo Hợp đồng cho vay số LN2210187132946 ngày 19/10/2022 và Hợp đồng cho vay số LN2312271380312 ngày 29/12/2023:

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn cung cấp Hợp đồng tín dụng LN2210187132946 ngày 19/10/2022 và Hợp đồng cho vay số LN2312271380312 ngày 29/12/2023; Thông báo phát sinh khoản cấp tín dụng thuộc phạm vi nghĩa vụ được bảo đảm theo Hợp đồng bảo đảm đã được ký kết đề ngày 19/10/2022 và sao kê tài khoản của ông Lê Thanh T3 ngày 29/12/2023. Xét thấy, ông T3 có vay tiền của Ngân hàng và đã nhận đủ số tiền nợ vay, các hợp đồng cho vay được giao kết trên cơ sở tự nguyện, các bên có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, nội dung và hình thức phù hợp quy định pháp luật nên có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Ngày 26/09/2025 giữa Ngân hàng với Công ty Cổ Phần M ký kết Hợp đồng mua bán nợ số 39/2025/VPB-JUPITER và Phụ lục đính kèm Ngân hàng đồng ý bán và Công ty Cổ Phần M đồng ý mua (các) khoản nợ của khách hàng vay là ông T3, bao gồm các khoản nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cho vay mà ông Lê Thanh T3 đã ký kết với Ngân hàng,

cụ thể: Một phần (95%) khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng cho vay số LN2210187132946 ngày 19/10/2022; Một phần (95%) khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng cho vay số LN2312271380312 ngày 29/12/2023. Công ty M kế thừa quyền, nghĩa vụ của Ngân hàng phát sinh từ các hợp đồng này và các biện pháp bảo đảm kèm theo. Ngân hàng tiếp tục là chủ nợ và bên nhận bảo đảm tương ứng với phần khoản nợ chưa bán cho Công ty Cổ Phần M. Xét thấy, Hợp đồng mua bán nợ giữa Ngân hàng với Công ty Cổ Phần M là đúng quy định pháp luật nên làm phát sinh quyền của Công ty Cổ Phần M đối với ông T3 và nghĩa vụ thanh toán nợ của ông T3 đối với Công ty Cổ Phần M.

Sau khi vay, do phía ông T3 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng và Công ty Cổ Phần M mặc dù Ngân hàng và Công ty Cổ Phần M đã tiến hành đôn đốc đề nghị thanh toán nhưng vẫn không thực hiện trả nợ. Do ông T3 không thực hiện việc trả nợ theo thỏa thuận hợp đồng nên Ngân hàng và Công ty Cổ Phần M khởi kiện yêu cầu ông T3 thanh toán số tiền tính đến ngày 07/5/2026 là **1.045.824.741 đồng** (trong đó nợ gốc: 770.549.335 đồng và tiền lãi trong hạn: 7.533.151 đồng, lãi quá hạn: 266.525.660 đồng, lãi chậm trả: 1.216.595 đồng), cụ thể: Ông T3 thanh toán cho Công ty Cổ phần M tổng số tiền là: **993.533.504 đồng** (trong đó, N1 gốc: 732.021.868 đồng, lãi trong hạn: 7.156.494 đồng, lãi quá hạn: 253.199.377 đồng, lãi chậm trả: 1.155.765 đồng); ông T3 phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là: **52.291.237** đồng trong đó, N1 gốc: 38.527.467 đồng, lãi trong hạn: 376.658 đồng, lãi quá hạn: 13.326.283 đồng; lãi chậm trả: 60.830 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 08/5/2026 cho đến khi thanh toán dứt nợ theo mức lãi suất hợp đồng cho Công ty Cổ phần M và Ngân hàng tương ứng với tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 280, Điều 351 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 100, 101 và Điều 103 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 nên được chấp nhận.

[6] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số LN2210187132946 ngày 19/10/2022.

Xét Hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng với ông T3 được các bên ký kết, được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật. Sau khi thụ lý, Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tài sản thế chấp nhưng không tiến hành được do bị đơn không cung cấp tài sản thẩm định. Tại Công văn số 182/CSGT-ĐK ngày 10/3/2026 của Phòng C Công an tỉnh C thể hiện: Xe ô tô biển kiểm soát 94A-045.00 hiện tại do Lê Thanh T3; địa chỉ cũ: Số A, Khóm B, Phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu đứng tên chủ xe. Hồ sơ gốc không có thủ tục chuyển quyền sở hữu xe cho cá nhân tổ chức nào khác. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng và Công ty Cổ Phần M, trường hợp ông T3 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng và Công ty Cổ Phần M có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô Nhãn hiệu FORD EXPLORER, loại xe: Ô tô con; màu trắng; số chỗ ngồi: 7 chỗ; số máy: JGC88902H; số khung: 1FM5K8FH8JGC88902 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 94003783 do Phòng C Công an tỉnh B cấp ngày 23/8/2022.

[7] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản là 800.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông T3 phải chịu. Công ty Cổ phần M đã nộp xong và chi hết. Ông T3 có trách nhiệm hoàn trả cho Công ty Cổ phần M số tiền 800.000 đồng.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí và được hoàn lại toàn bộ số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

Ông T3 phải chịu án phí tương ứng với phần thực hiện nghĩa vụ, cụ thể: Ông T3 có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần M và Ngân hàng tổng số tiền 1.045.824.741 đồng nên án phí phải chịu là 43.374.742 đồng.

[9] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cà Mau là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 5, Khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 157, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 244, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các điều 116, 117, 280, 318, 319, 320, 321, 351, 401 và Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015;

- Các Điều 100, 103 và Điều 107 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024;

- Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

- Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V về việc yêu cầu ông Lê Thanh T3 thanh toán tiền vay theo Hợp đồng thẻ số 401-P-0556881.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và Công ty Cổ phần M đối với ông Lê Thanh T3.

2.1. Buộc ông Lê Thanh T3 phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và Công ty Cổ phần M tổng số tiền tính đến ngày 07/5/2026 là **1.045.824.741 đồng** (trong đó nợ gốc: 770.549.335 đồng và tiền lãi trong hạn: 7.533.151 đồng, lãi quá hạn: 266.525.660 đồng, lãi chậm trả: 1.216.595 đồng). Cụ thể:

- Buộc ông Lê Thanh T3 phải thanh toán cho Công ty Cổ phần M tổng số tiền tính đến ngày 07/5/2026 là: **993.533.504 đồng** (trong đó, N1 gốc: 732.021.868 đồng, lãi trong hạn: 7.156.494 đồng, lãi quá hạn: 253.199.377 đồng, lãi chậm trả: 1.155.765 đồng);

- Buộc ông Lê Thanh T3 phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 07/5/2026 là: **52.291.237** đồng trong đó, N1 gốc: 38.527.467 đồng, lãi trong hạn: 376.658 đồng, lãi quá hạn: 13.326.283 đồng; lãi chậm trả: 60.830 đồng).

2.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 08/5/2026), ông Lê Thanh T3 còn phải tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và Công ty Cổ phần M theo mức lãi suất được quy định theo hợp đồng đến khi thanh toán hết nợ. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V thì lãi suất mà ông Lê Thanh T3 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và Công ty Cổ phần M theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

3. Trường hợp ông Lê Thanh T3 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và Công ty Cổ phần M thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là: chiếc xe ô tô nhãn hiệu FORD EXPLORER, loại xe: Ô tô con; màu trắng; số chỗ ngồi: 7 chỗ; số máy: JGC88902H; số khung: 1FM5K8FH8JGC88902 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 94003783 do Phòng C Công an tỉnh B cấp cho ông Lê Thanh T3 ngày 23/8/2022.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Lê Thanh T3 phải chịu 800.000 đồng. Công ty Cổ phần M đã nộp xong và chi hết. Buộc ông Lê Thanh T3 có trách nhiệm hoàn trả cho Công ty Cổ phần M số tiền 800.000 đồng *(Tám trăm nghìn đồng).*

5. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Lê Thanh T3 phải nộp tổng số tiền án phí là 43.374.742 đồng *(Bốn mươi ba triệu ba trăm bảy mươi bốn nghìn bảy trăm bốn mươi hai đồng).*

Công ty Cổ phần M đã nộp số tiền 19.364.000 đồng *(Mười chín triệu ba trăm sáu mươi bốn nghìn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0007041 ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, nay được hoàn lại toàn bộ.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần V đã nộp số tiền 1.152.000 đồng *(Một triệu một trăm năm mươi hai nghìn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0007040 ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, nay được hoàn lại toàn bộ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Kiều Thảo

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 6 – Cà Mau;
- Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu.